

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 603/2024/DS-PT

Ngày: 11/12/2024.

V/v tranh chấp: “Bồi thường
thiệt hại do tài sản bị xâm
phạm”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Vĩnh Hữu.

Các Thẩm phán: Ông Lê Thanh Vân.

Bà Lê Thị Hồng Tâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Vân - Thư ký.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà Mai Thị Đào Quyên -
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét
xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 457/2024/TLPT-DS ngày 29 tháng
10 năm 2024 về việc tranh chấp “Bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm”;

Do bản án dân sự sơ thẩm số 240/2024/DS-ST, ngày 19/8/2024 của Tòa án
nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 572/2024/QĐ-PT ngày 06/11/2024,
giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Hữu T, sinh năm 1976;
Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.
(có văn bản xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Võ Thị T1, sinh năm 1948; (có mặt)
Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
Nguyễn Ngọc Bảo T2, sinh năm 1980; (vắng mặt)
Võ Hoàng D, sinh năm 1981; (có mặt)
Bùi Thị Kim T3, sinh năm 1980; (có mặt)
Võ Huỳnh Gia L, sinh năm 2012;
Võ Huỳnh Gia H, sinh năm 2008;
Cùng địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật của L, H:

Võ Hoàng D, sinh năm 1981; (có mặt)
 Nguyễn Thị Thanh H1, sinh năm 1998; (vắng mặt)
 Cùng địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

**. Người kháng cáo: Bị đơn Võ Thị T1.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**. Theo án sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T có người đại diện theo ủy quyền là bà Phạm Thị Kim T4 trình bày:*

Vào năm 2020, ông T có xin bà T1 cho ông T đặt đường ống thoát nước từ đất ông T qua phần đất bà T1, bà T1 đồng ý. Sau đó, ông T tiến hành đặt ống nước loại 168mm, đặt sâu khoảng 1,8m đoạn qua đất bà T1 là khoảng hơn 100m. Đến năm 2021, phát sinh mâu thuẫn đường đi giữa ông T và bà T1 thì bà T1 không cho ông T thoát nước nữa nên bít đường ống không cho ông T thoát nước ảnh hưởng đến việc canh tác cây trồng của ông T;

Ông T yêu cầu buộc bà T1 bồi thường thiệt hại đường ống nước cho ông T với số tiền là 40.000.000 đồng.

**. Bị đơn bà Võ Thị T1 trình bày:* Bà Võ Thị T1 không đồng ý với yêu cầu của ông T. Vào năm 2018, bà T1 có cho ông T đặt đường ống thoát nước qua phần đất của bà dài khoảng 100m (trên gò là 56m, dưới ao là 44m). Khi đó thỏa thuận là ông T chừa đường đi từ nhà bà ra đường lớn. Quá trình sử dụng, ông T không thực hiện đúng như thỏa thuận không chừa đường đi cho bà nên bà không cho ông T sử dụng đường ống thoát nước này và bà có lầy nắp bít đường ống của ông T không cho ông T thoát nước nữa. Sau đó, em ông T là anh T2 có cắt đoạn ống dưới ao dài 44m. Bà T1 không đồng ý bồi thường cho ông T.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Ngọc Bảo T2 trình bày:* Anh T2 là em họ của ông Nguyễn Hữu T, vào tháng 4 năm 2023, anh T2 có tháo dỡ đoạn ống thoát nước của ông T trên phần đất của bà Võ Thị T1. Do quá trình ông T sử dụng đường thoát nước này bị bà T1 bít ống thoát nước đầu ngoài lại không thoát nước được và không sử dụng được nữa. Do anh làm đường ống thoát bị thiếu ống và thấy đường ống thoát nước này đã 03 năm không sử dụng nên anh có cắt đoạn ống thoát nước nằm dưới ao bà T1 dài khoảng 44m để sử dụng;

Sau đó, anh có nói với ông T sự việc này, ông T không có ý kiến gì. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T yêu cầu bà T1 bồi thường thiệt hại đường ống thoát nước thì anh không có ý kiến gì và anh không có yêu cầu độc lập gì. Trường hợp sau này anh với ông T có phát sinh tranh chấp đoạn ống thoát nước mà anh tháo dỡ thì anh sẽ tự thỏa thuận với ông T để khắc phục.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Hoàng D, chị Bùi Thị Kim T3 trình bày:* Chị T3 là chủ quyền sử dụng 02 thửa đất số 632 và 636, tờ bản đồ số 06, tại ấp G, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Hai thửa đất này nằm giáp ranh nối liền với phần đất của bà T1 chạy dài ra đến kênh. Do vợ chồng anh chị đi làm

ăn xa nên nhờ bà T1 trông coi. Năm 2018, ông T có xin bà T1 đặt âm ống nhựa để thoát ra kênh nhưng không có xin vợ chồng anh chị. Thực tế năm 2018, ông T đã đặt xong đường ống thoát nước qua đất bà T1 và phần còn lại thì qua đất của chị T3. Cuối năm 2018 khi về thăm nhà thì anh chị mới biết sự việc nhưng vì tình làng nghĩa xóm nên không làm khó ông T. Sau này, giữa ông T và bà T1 mâu thuẫn nên mới khởi kiện. Anh chị yêu cầu ông T tháo gỡ hết phần ống còn lại được đặt âm trong hai thửa đất của chị T3. Trong quá trình tháo gỡ ống thoát nước nếu có gây thiệt hại gì thì ông T phải có trách nhiệm bồi thường.

Bản án dân sự sơ thẩm số 240/2024/DS-ST, ngày 19/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 588, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T.

Buộc bà Võ Thị T1 có trách nhiệm bồi thường thiệt hại tài sản số tiền 8.370.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Hữu T bồi thường cây trồng cho bà Võ Thị T1 số tiền là 3.194.000 đồng.

Bà Võ Thị T1 chỉ bồi thường cho ông Nguyễn Hữu T số tiền 5.176.000 đồng.

Kể từ ngày ông T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà T1 không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng bà T1 còn phải trả số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh tiền chậm trả thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về chi phí tố tụng: Bà Võ Thị T1 phải nộp số tiền 1.000.000 đồng để trả cho ông Nguyễn Hữu T.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị T1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

H2 lại cho ông Nguyễn Hữu T số tiền 1.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013181 ngày 19/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Ngoài ra bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự;

Ngày 12/6/2024, bị đơn Võ Thị T1 kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm với nội dung: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn Võ Thị T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;

Căn cứ vào đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên án sơ thẩm;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người kháng cáo, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật, Tòa án nhận định:

[1]. Xét quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hạn kháng cáo, sự có mặt, vắng mặt của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Hữu T thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp “Yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm” được quy định tại Điều 589 Bộ luật dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 6 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào đơn kháng cáo ngày 12/6/2024 của bị đơn Võ Thị T1 thì bà T1 kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xét trong quá trình thụ lý vụ án và chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T có văn bản xin vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị T1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào lời trình bày, lời thừa nhận của ông Nguyễn Hữu T và bà Võ Thị T1, xét thấy:

Năm 2018, ông Nguyễn Hữu T và bà Võ Thị T1 tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc bà T1 đồng ý cho ông T đặt một đường ống thoát nước (đặt âm dưới lòng đất) qua phần đất của bà T1 (thỏa thuận miệng);

Tại thời điểm thỏa thuận, ông Nguyễn Hữu T đã tiến hành đặt ống thoát nước loại ống nhựa D168mm, có chiều dài qua phần đất bà Võ Thị T1 là 54m;

Bà T1 cho rằng việc bà không cho ông T tiếp tục sử dụng đường thoát nước này là vào năm 2021, giữa ông T không cho bà sử dụng phần đất của ông T để đi ra đường công cộng nên bà T1 không cho ông T sử dụng đường thoát nước nữa;

Tuy nhiên, ông T không thừa nhận có sự thỏa thuận việc ông T đặt đường ống thoát nước đi ngang qua phần đất bà T1 thì bà T1 được quyền sử dụng một phần đất của ông T làm lối đi để ra đường công cộng;

Việc bà T1 tự ý bít ống thoát nước là ảnh hưởng đến quyền lợi của ông T nên ông T phát sinh tranh chấp với bà T1;

Từ những căn cứ trên, có căn cứ xác định:

Vào năm 2018, bà Võ Thị T1 cho ông Nguyễn Hữu T được đặt ống thoát nước bằng nhựa có đường kính D168mm qua phần đất của bà T1 có chiều dài 54m là hoàn toàn tự nguyện;

Năm 2021, bà Võ Thị T1 tự ý bít đường ống thoát nước thuộc quyền sở hữu của ông T làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông T;

Do đó, ông T yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản bị xâm phạm là có căn cứ, cụ thể ông T yêu cầu bồi thường chi phí di dời phần ống nước đặt qua phần đất của bà T1 có chiều dài 54m, giá di dời mỗi mét là 155.000 đồng, thành tiền là 8.370.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của ông T là phù hợp;

Khi di dời đường ống sẽ ảnh hưởng đến cây trồng của bà Võ Thị T1, trên phần đất di dời có 02 cây dừa, 01 cây mận và 03 cây ổi có giá trị 3.194.000 đồng, ông T tự nguyện bồi thường. Số tiền giá trị cây trồng 3.194.000 đồng mà ông T phải trả cho bà T1 được trừ vào số tiền 8.370.000 đồng mà bà T1 phải có nghĩa vụ với ông T nên nghĩa vụ trả tiền của bà T1 còn lại là 5.176.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện của ông T và việc trừ một phần vào nghĩa vụ của bà T1 đối với ông T là phù hợp;

Tại phiên tòa phúc thẩm, ngoài những chứng cứ mà bà T1 cung cấp trong giai đoạn sơ thẩm thì bà T1 cũng không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà T1 nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T1;

Vì thế Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị T1, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[3]. Những thiếu sót cần rút kinh nghiệm: Ông Nguyễn Hữu T được quyền di dời đường ống nước được đặt ngầm qua phần đất bà T1 có chiều dài 54m, khi di dời xong thì ông T phải có trách nhiệm san lấp phần đất mà ông T đào lên nên cần điều chỉnh bản án sơ thẩm cho phù hợp.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn Võ Thị T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5]. Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 148; khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 584, 585, 589, 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Xử: 1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị T1.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 240/2024/DS-ST, ngày 19/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T về việc bà Võ Thị T1 có trách nhiệm bồi thường thiệt hại tài sản với số tiền 8.370.000 đồng:

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Hữu T bồi thường giá trị cây trồng cho bà Võ Thị T1 với số tiền là 3.194.000 đồng (ba triệu, một trăm chín mươi bốn ngàn đồng);

Buộc bà Võ Thị T1 có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Hữu T số tiền 5.176.000 đồng (năm triệu, một trăm bảy mươi sáu ngàn đồng).

Kể từ ngày ông Nguyễn Hữu T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Võ Thị T1 thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân Sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ông Nguyễn Hữu T được quyền di dời đường ống nước được đặt ngầm qua phần đất bà Võ Thị T1 có chiều dài 54m, tại Ấp G, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang, khi di dời xong thì ông T phải có trách nhiệm san lấp phần đất mà ông T đào lên.

Về chi phí tố tụng: Bà Võ Thị T1 có nghĩa vụ trả chi phí tố tụng cho ông Nguyễn Hữu T số tiền 1.000.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị T1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Nguyễn Hữu T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông T đã nộp 1.000.000 đồng theo biên lai thu số 0013181 ngày 19/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Võ Thị T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***. Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- Tòa án nhân dân cấp cao;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G;
- THADS huyện G;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Vĩnh Hữu